



Vươn tới tầm cao

THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN 319.5

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105870459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/10/2017, thay đổi đăng ký lần 2 ngày 16/01/2019)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SÀN GIAO DỊCH UPCOM

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



Vươn tới tầm cao

CÔNG TY CỔ PHẦN 319.5

Địa chỉ: Số 145/154 đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0246.2881.666 Fax: 0246.2615.156

Website: <http://3195.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Thông tấn xã Việt Nam, số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3728 0921 Fax: (84-24) 3728 0920

Website: tvs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đỗ Văn Chinh - Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0913343860

MỤC LỤC

PHẦN I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH...	1
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	1
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch.....	1
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	2
1.3. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
1.4. Quá trình tăng vốn.....	4
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty	5
2.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý Công ty.....	5
2.2 Chức năng nhiệm vụ.....	5
3. Danh sách và cơ cấu cổ đông.....	8
3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 22/05/2019	8
3.2 Danh sách cổ đông sáng lập	8
3.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 22/05/2019	9
4. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức ĐKGD, những công ty mà tổ chức ĐKGD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKGD.....	9
5. Tình hình hoạt động kinh doanh	10
5.1. Sản phẩm dịch vụ chính.....	10
5.2. Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp qua các năm.....	12
6.1 Kết quả hoạt động kinh doanh	14
6.2. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	15
7. Chính sách đối với người lao động	17
7.1 Số lượng lao động trong Công ty	17
7.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động	18
8. Chính sách cổ tức	18
9. Tình hình tài chính.....	19
9.1 Các chỉ tiêu cơ bản	19
9.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	23

10.	Tình hình tài sản.....	24
11.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	25
11.1	Kế hoạch kinh doanh năm 2019-2020.....	25
11.2	Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	25
12.	Thông tin về các cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	27
13.	Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh.....	27
14.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	27
PHẦN II. QUẢN TRỊ CÔNG TY		28
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị	28
1.1	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	28
1.2	Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT	28
2.	Ban kiểm soát.....	32
2.1	Danh sách thành viên Ban kiểm soát	32
2.2	Tóm tắt Sơ yếu lý lịch	32
3.	Giám đốc và các cán bộ quản lý.....	35
3.1	Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.....	35
3.2	Lý lịch Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	35
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	40
PHẦN III. PHỤ LỤC		42

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn điều lệ tại ngày 22/05/2019	8
Bảng 2.	Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 22/05/2019	9
Bảng 3.	Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm	12
Bảng 4.	Cơ cấu Lợi nhuận gộp qua các năm	13
Bảng 5.	Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh	14
Bảng 6.	Cơ cấu lao động	17
Bảng 7.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	20
Bảng 8.	Trích lập các quỹ theo luật định	20
Bảng 9.	Các khoản phải trả	20
Bảng 10.	Các khoản phải thu	21
Bảng 11.	Nợ xấu và Dự phòng nợ	22
Bảng 12.	Các khoản đầu tư tài chính	23
Bảng 13.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	23
Bảng 14.	Danh mục tài sản cố định tại thời điểm ngày 31/12/2018	24
Bảng 15.	Kế hoạch phát triển kinh doanh 2019 – 2020	25

CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

DHDCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	:	Hội đồng quản trị
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	:	Một thành viên
CTCP	:	Công ty cổ phần
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
GTDN	:	Giá trị doanh nghiệp
BCTC	:	Báo cáo tài chính
TSCĐ	:	Tài sản cố định
QLDN	:	Quản lý doanh nghiệp
LN	:	Lợi nhuận
BCTC	:	Báo cáo tài chính

Công ty/319.5: Công ty cổ phần 319.5

Những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản luật hướng dẫn.

PHẦN I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- **Tên tiếng Việt:** CÔNG TY CỔ PHẦN 319.5
- **Tên viết tắt:** CÔNG TY 319.5
- **Tên tiếng Anh:** 319.5 JOINT STOCK COMPANY



- **Logo:** *Vươn tới tầm cao*
- **Trụ sở chính:** Số 145/154 đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP. Hà Nội
- **Điện thoại:** 0246.2881.666 **Fax:** 0246.2615.156
- **Website:** <http://3195.vn>
- **Vốn điều lệ đăng ký:** 44.000.000.000 đồng
- **Vốn điều lệ thực góp:** 44.000.000.000 đồng
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** Số 0105870459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/10/2017, thay đổi đăng ký lần 2 ngày 16/01/2019.
- **Đại diện theo pháp luật:** Ông Đỗ Văn Chinh - Giám đốc Công ty.
- **Ngành nghề kinh doanh**

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Xây dựng nhà các loại	4100 (chính)
2	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
4	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
5	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
6	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
7	Xây dựng công trình công ích	4220
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

STT	Ngành nghề	Mã ngành
9	Phá dỡ	4311
10	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
11	Lắp đặt hệ thống điện	4321
12	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
13	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
14	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
17	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
18	Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kV, 110 kV, 500 kV; (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Mã chứng khoán:** CT5
- **Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD:** 4.400.000 cổ phiếu
- **Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán:** Số 65/2018/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp lần đầu ngày 07/8/2018.
- **Số chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD:** 1.540.000 cổ phiếu (bị hạn chế chuyển nhượng trong 5 năm kể từ ngày 20/10/2017). Đây là số cổ phần bán cho cổ đông chiến lược theo Phương án cổ phần hóa Công ty.
- **Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:** Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày

20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam; và các văn bản pháp luật có liên quan. Theo đó, tỷ lệ nắm giữ tối đa cổ phần của Công ty đối với nhà đầu tư nước ngoài là 100%.

Tại thời điểm ngày 22/05/2019, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần 319.5 là đơn vị thành viên của Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng, tiền thân là Trung tâm thực nghiệm và Dạy nghề thuộc Công ty Xây dựng 319 - Quân khu 3 (nay là Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng), được thành lập theo Quyết định số 173/BTL ngày 25 tháng 2 năm 2000 của Tư lệnh Quân khu 3.

Ngày 14 tháng 6 năm 2001, Bộ Tư lệnh Quân khu 3 có Quyết định số 627/BTL chuyển đổi Trung tâm thực nghiệm và dạy nghề thành Xí nghiệp Xây lắp và Dạy nghề.

Ngày 25 tháng 7 năm 2011, Bộ Quốc phòng có Quyết định số 2667/QĐ-BQP chuyển đổi Xí nghiệp Xây lắp và Dạy nghề thành Xí nghiệp 319.5.

Ngày 29 tháng 3 năm 2012, Bộ Quốc phòng có Quyết định số 957/QĐ-BQP chuyển đổi Xí nghiệp 319.5 - Chi nhánh Tổng công ty 319 thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 319.5.

Ngày 06/03/2017, Bộ Quốc phòng có Quyết định số 600/QĐ-BQP phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên 319.5 thuộc Tổng Công ty 319 thành công ty cổ phần. Ngày 20/10/2017, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105870459 và bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Trải qua gần 20 năm xây dựng và trưởng thành với ngành nghề chính là thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dò tìm, xử lý bom mìn - vật nổ, địa bàn hoạt động của Công ty trải rộng trên nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước, trong đó có các công trình ở vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Đến nay Công ty đã thi công và bàn giao đưa vào sử dụng 265 công trình và hạng mục công trình ở các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội, quốc phòng an ninh trên 30 tỉnh thành trong cả nước, trong đó có nhiều công trình có quy mô lớn và đòi hỏi kỹ thuật cao.

Những công trình tiêu biểu mà Công ty đã và đang thi công trong lĩnh vực xây dựng: Các gói thầu của Dự án xây dựng Bệnh viện Trung ương Quân đội 108; các gói thầu của Dự án xây dựng Bệnh viện 103/Học viện Quân y; Bệnh viện Quân y 110/Quân khu 1; Nhà ở Học viện Học viện Quân y; Tòa nhà Tổng công ty 319; Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; Học viện Biên phòng; các Đồn Biên phòng thuộc các tỉnh Lào Cai, Lai Châu,

Hà Giang...; Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Quân khu 1; Tòa nhà Viettel Thái Bình; các gói thầu của Nhà máy Z113/Tổng cục CNQP v.v...

Trong lĩnh vực giao thông, thủy lợi, Công ty đã thi công các công trình thuộc Dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh điều chỉnh đoạn qua tỉnh Đắk Lắk; Dự án Đường Trường Sơn Đông; Đường TTBG Đồn Biên phòng 311 - 313/Bộ CHBĐ Biên phòng tỉnh Lai Châu; Gói thầu số 01: Quốc lộ 4B - tỉnh Lạng Sơn; Thủy điện Trịnh Tường/BP Lào Cai; Đập nước 454...

Đối với công tác rà phá, xử lý bom mìn - vật nổ, nhiều công trình đã được Công ty thi công tại các tỉnh như Quảng Nam, Đắk Nông, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Lai Châu, Bắc Giang, Hà Nội v.v... Đặc biệt trong những năm gần đây, một số công trình trọng điểm do Công ty thi công được công nhận công trình đạt giải thưởng **“Công trình chất lượng cao”** của Bộ Xây dựng, như: Trụ sở Tổng công ty 319/BQP; Tòa nhà trung tâm và điều hành Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.

Tốc độ tăng trưởng bình quân của Công ty hàng năm đạt mức cao, Công ty luôn bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước, thực hiện đầy đủ các khoản giao nộp với cấp trên, đảm bảo tích lũy đầu tư cho phát triển SXKD, phục vụ tốt cho các dự án lớn và công trình trọng điểm.

Công ty cổ phần 319.5 đã được các Bộ, Ngành khen tặng trong các năm qua: 02 Bằng khen của Bộ Quốc phòng; 01 Giấy khen của Cục trưởng cục ATLD; 04 Bằng khen của Bộ Tư lệnh Quân khu 3; 01 Giấy khen của Bộ Tư lệnh Quân khu 3; 05 danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng” của Bộ Tư lệnh Quân khu 3; 01 Bằng khen của Bệnh viện TWQĐ 108; 02 Giấy chứng nhận “Công trình chất lượng cao” năm 2015.

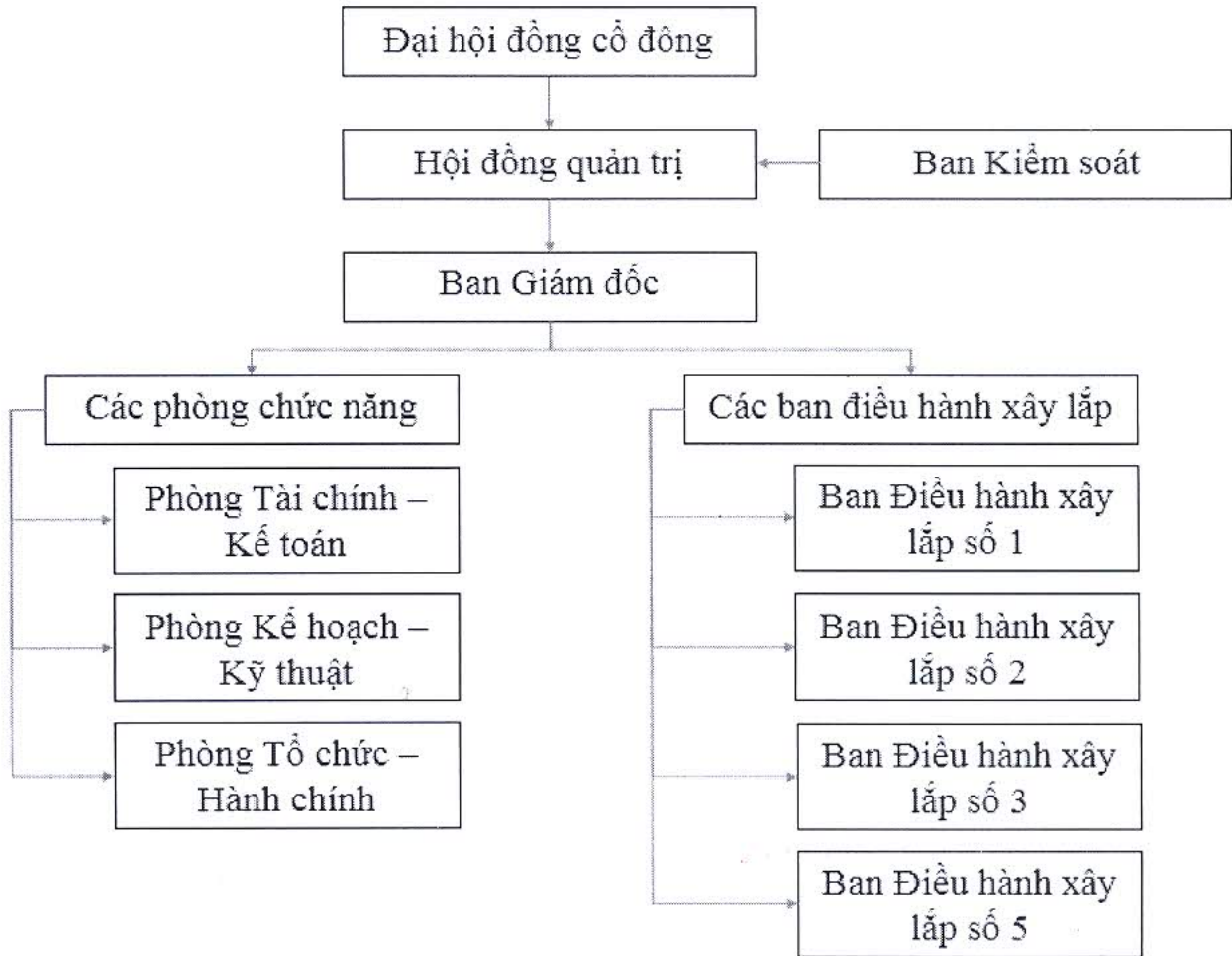
1.4. Quá trình tăng vốn

Từ thời điểm 20/10/2017 (thời điểm chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần) cho đến nay, Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ lần nào. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 44.000.000.000 đồng.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty

2.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức Công ty được thể hiện dưới sơ đồ sau:



(Nguồn: Công ty cổ phần 319.5)

2.2 Chức năng nhiệm vụ

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... ĐHĐCĐ có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Giám sát HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ Ban Giám đốc

Gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do HĐQT bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc chuyên môn. Các Phó Giám đốc phụ trách một số lĩnh vực cụ thể. Theo yêu cầu điều hành trong từng thời gian, Giám đốc có thể điều chỉnh lại sự phân công công việc giữa các Phó Giám đốc. Khi cần thiết Giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ của Giám đốc.

Các Phòng chức năng

Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty về nội dung liên quan đến nghiệp vụ quy định của mình, đồng thời trực tiếp hướng dẫn và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các công việc đó trong phạm vi toàn Công ty. Các Trưởng phòng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nghiệp vụ của phòng mà mình phụ trách.

Phòng Tài chính - Kế toán:

- Là phòng nghiệp vụ của Công ty, có chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc trong công tác quản lý và sử dụng tài chính của Công ty đúng nguyên tắc, chế độ quy định của Nhà nước; đảm bảo chuẩn mực về tài chính - kế toán;

- Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán và Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty;

- Ghi chép tính toán phản ánh số liệu hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng kinh phí của Công ty và các đơn vị trực thuộc;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật:

- Là phòng nghiệp vụ của Công ty, có chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty về công tác kế hoạch, thị trường và các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được Giám đốc giao;

- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện các quy định của pháp luật về xây dựng cơ bản, các tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật của Nhà nước về xây dựng cơ bản; Hướng dẫn các đơn vị làm nghiệm thu thanh, quyết toán, xây dựng kế hoạch, tiến độ thi công hợp lý;

- Tham gia tìm kiếm việc làm, tổ chức thực hiện các mối quan hệ thị trường và chủ trì việc làm hồ sơ đề xuất, hồ sơ đấu thầu;

- Chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện các mặt công tác nghiệm thu công trình; bảo hành công trình; tổ chức kiểm tra công tác thi công tại hiện trường, công tác an toàn vệ sinh lao động; kiểm tra, kết hợp thực hiện công tác nội nghiệp...;

- Chủ trì dự thảo, đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các kế hoạch dài hạn khác, trình Giám đốc Công ty phê duyệt, báo cáo Tổng công ty theo quy định;

- Tham mưu và soạn thảo Hợp đồng giao khoán nội bộ, quyết định giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc trình Giám đốc Công ty xem xét, quyết định;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

Phòng Tổ chức - Hành chính:

- Là phòng nghiệp vụ của Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, Chỉ huy trong công tác lao động - tiền lương; công tác văn phòng, hành chính - hậu cần, vật tư - xe máy và công tác đảng, công tác chính trị theo đúng Điều lệ công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội Nhân dân Việt Nam và các quy định đối với doanh nghiệp trong Quân đội;

- Xây dựng quy chế trả lương, xây dựng thang, bảng lương, phụ cấp lương theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng;

- Tổ chức triển khai, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Công ty chấp hành và thực hiện chế độ công tác đảng, công tác chính trị và các tổ chức quần chúng hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình diễn biến tư tưởng của cán bộ, công nhân viên và người lao động;

- Tổ chức tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, công nhân viên, người lao động trong công ty chấp hành, thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Đảng, kỷ luật của Quân đội;

- Bảo đảm và quản lý các trang thiết bị văn phòng, vật tư - xe máy và các thiết bị thi công của toàn Công ty; bảo đảm công tác văn phòng, hành chính - hậu cần của toàn Công ty;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

Các đơn vị trực thuộc

Bao gồm các Ban điều hành không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị phụ thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại Công ty và thuộc sở hữu của Công ty.

Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Công ty.

3. Danh sách và cơ cấu cổ đông

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 22/05/2019

Bảng 1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn điều lệ tại ngày 22/05/2019

TT	Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG	0100108984	Số 63, đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	2.244.000	51%
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯƠNG QUANG	0104600001	Km2, quốc lộ 3, thôn Du Nội, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội	1.540.000	35%
	Tổng			3.784.000	86%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần 319.5 chốt ngày 22/05/2019)

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần 319.5 không có cổ đông sáng lập.

3.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 22/05/2019

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 22/05/2019

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	40	4.400.000	100%
1	Tổ chức	02	3.784.000	86%
2	Cá nhân	38	616.000	14%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		40	4.400.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cổ phần 319.5 chốt ngày 22/05/2019)

4. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức ĐKGD, những công ty mà tổ chức ĐKGD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKGD

❖ *Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKGD:*

Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng

Địa chỉ: Số 63 đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.38319319 Fax: 024.38731458

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/5/2010, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 05/12/2016.

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi; Rà phá bom, mìn, vật nổ; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế...

Tỷ lệ góp vốn tại CTCP 319.5 là 51% vốn điều lệ.

❖ *Công ty con, công ty mà tổ chức ĐKGD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có.*

5. Tình hình hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm dịch vụ chính

Công ty cổ phần 319.5 hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông. Hoạt động thi công xây lắp chủ yếu là xây dựng các công trình trên toàn quốc thuộc Bộ Quốc phòng, các công trình ngoài quân đội có vốn Nhà nước...

Các công trình Công ty đã thi công triển khai tại nhiều tỉnh thành, tiêu biểu một số công trình như sau:

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thi công	Tổng giá trị hợp đồng (Triệu đồng)
1	<p>Dự án: Đầu tư xây dựng Bệnh viện trung ương quân đội 108 - BQP, gồm các CT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gói thầu số 08: TC tường vây, kết cấu phần ngầm, biện pháp TC phần ngầm. - Gói thầu số 07: Cọc đại trà, cọc thí nghiệm giai đoạn 2. - Gói thầu 17: Xây dựng phần thô Nhà kỹ thuật nghiệp vụ cận lâm sàng. - Gói thầu 18: Xây dựng phần thô Nhà ngoại khoa + chuyên khoa. - Gói thầu 26: Kiến trúc phần ngầm (trừ cửa)*+ cấp điện phần ngầm (bao gồm hệ thống các tủ động lực, điện chiếu sáng, ổ cắm) + cấp thoát nước phần ngầm (bao gồm cả máy bơm). - Gói thầu 27: Kiến trúc (trừ cửa trong nhà, vách ngoài nhà, ốp đá) + cấp điện chiếu sáng phần thân (bao gồm điện chiếu sáng, 	Bệnh viện TWQĐ 108	Số 1 Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.476.145

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thi công	Tổng giá trị hợp đồng (Triệu đồng)
	ổ cắm) + cấp thoát nước phần thân Nhà kỹ thuật nghiệp vụ cận lâm sàng. - Gói thầu 28: Phần Kiến trúc (trừ cửa trong nhà, vách ngoài nhà, ốp đá) + cấp điện chiếu sáng phần thân (bao gồm điện chiếu sáng, ổ cắm) + cấp thoát nước phần thân Nhà ngoại khoa + chuyên khoa.			
2	Dự án: Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quân y 103/HVQY, gồm các công trình: - Gói thầu số 07: Thi công tường vây, tường dẫn Tòa nhà Trung tâm Bệnh viện Quân y 103. - Gói thầu 01: Thi công cọc khoan nhồi, kingpost đại trà Tòa nhà Trung tâm Bệnh viện Quân y 103. - Gói thầu số 15: Móng, tầng hầm Tòa nhà Trung tâm Bệnh viện Quân y 103. - Gói thầu số 24: Thi công xây dựng kết cấu phần thân, xây thô Tòa nhà Trung tâm Bệnh viện Quân y 103.	Học viện Quân y	Số 261 Phùng Hưng, Hà Đông, Hà Nội	831.195
3	Dự án Khu nhà ở 319 Bồ Đề	Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Hùng Cường	Phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội	231.657
4	Dự án: Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quân y 110/QK1	Quân khu I	Phường Thị Cầu, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	190.907

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thi công	Tổng giá trị hợp đồng (Triệu đồng)
5	Dự án: Đầu tư xây dựng trụ sở Tổng công ty 319	Tổng công ty 319	63 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	125.337
6	Dự án: Nhà ở học viên học viện Quân y	Học viện Quân y	Số 261 Phùng Hưng, Hà Đông, Hà Nội	169.944
7	Dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm Chỉ huy QK I	Quân khu 1	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	106.789
8	Dự án: Xây dựng Trung tâm Chỉ huy và Điều hành Bệnh viện TW QĐ 108	Bệnh viện TWQĐ 108	Số 1 Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng, Hà Nội	101.847
9	Dự án: Đường Trường Sơn Đông	Ban Quản lý dự án 46	Huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	152.290
10	Dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh thuộc tỉnh Đắk Lắk	Ban QLDA đường Hồ Chí Minh	Xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	37.931

5.2. Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp qua các năm

❖ Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bảng 3. Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2017 đến 19/10/2017		Từ 20/10/2017 đến 31/12/2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu của công trình xây lắp	374.537.031.124	95,15	304.312.269.896	99,91	466.650.532.047	99,72
2	Doanh thu của công trình giao thông	19.089.784.718	4,85	278.781.818	0,09	1.307.394.056	0,28

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2017 đến 19/10/2017		Từ 20/10/2017 đến 31/12/2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Tổng	393.626.815.842	100	304.591.051.714	100	467.957.926.103	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 20/10/2017 đến 31/12/2017 và BCTC kiểm toán năm 2018)

Có thể thấy, doanh thu từ công trình xây lắp luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu thuần của công ty (hơn 95%).

❖ **Lợi nhuận gộp**

Bảng 4. Cơ cấu Lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2017 đến 19/10/2017		Từ 20/10/2017 đến 31/12/2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (/DTT)	Giá trị	Tỷ trọng (/DTT)	Giá trị	Tỷ trọng (/DTT)
1	Lợi nhuận gộp từ công trình xây lắp	12.232.237.469	3,11%	8.735.098.503	2,87%	17.705.235.074	3,78%
2	Lợi nhuận gộp từ công trình giao thông	663.544.027	0,17%	13.930.697	0,005%	(595.810.578)	-0,13%
	Tổng	12.895.781.496	3,28%	8.749.029.200	2,875%	17.109.424.496	3,65%

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 20/10/2017 đến 31/12/2017 và BCTC kiểm toán năm 2018)

Giá vốn hàng bán của Công ty luôn ở mức cao nên lợi nhuận gộp chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng doanh thu thuần của Công ty. Điều này là do đặc thù của ngành xây dựng khi chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn và khó xác định do giá nguyên vật liệu luôn thay đổi tùy theo tình hình cung cầu của thị trường và tình hình kinh tế. Tuy nhiên, Công ty cũng đã và đang áp dụng các chính sách quản lý chi phí nguyên vật liệu nhằm giảm tác động tiêu cực của biến động giá nguyên liệu đến giá vốn hàng bán của Công ty.

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 5. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2017 đến 19/10/2017	Từ 20/10/2017 đến 31/12/2017	Năm 2018
1	Tổng giá trị tài sản	559.149.328.667	419.236.850.144	422.526.096.325
2	Vốn chủ sở hữu	26.723.780.234	45.409.584.789	47.309.428.526
3	Doanh thu thuần	393.626.815.842	304.591.051.714	467.957.926.103
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	507.522.073	1.810.100.061	2.116.956.050
5	Lợi nhuận khác	193.116.358	(38.495.260)	1.821.091.152
6	Lợi nhuận trước thuế	700.638.431	1.771.604.801	3.938.047.202
7	Lợi nhuận sau thuế	107.820.171	1.409.584.789	3.109.428.526

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 20/10/2017 đến 31/12/2017 và BCTC kiểm toán năm 2018)

(*) Công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 20/10/2017, do đó Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/10/2017 đến ngày 31/12/2017 là báo cáo tài chính được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty cổ phần 319.5.

Trong giai đoạn từ 20/10/2017 đến 31/12/2017, doanh thu thuần của Công ty 319.5 đạt khoảng 304,6 tỷ đồng (bằng 77,38% doanh thu thuần trong 10 tháng đầu năm), lợi nhuận sau thuế đạt 1,4 tỷ đồng (cao gấp 13 lần so với 10 tháng đầu năm).

Tuy nhiên đến năm 2018, doanh thu thuần chỉ đạt 468 tỷ đồng, bằng 67% cả năm 2017, do công ty gặp khó khăn trong công tác tìm kiếm việc làm và gặp hạn chế trong việc mở rộng thị trường. Mặc dù vậy, lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2018 lại cao gấp đôi so với năm 2017 (đạt 3,1 tỷ đồng) do năm 2018 Công ty có khoản điều chỉnh giảm công nợ phải trả hơn 1,7 tỷ đồng được ghi nhận vào khoản mục Thu nhập khác. Các khoản này đã được Đội trưởng của Đội 4 trực thuộc cam kết xác định là không còn nghĩa vụ phải trả.

Tại kì hoạt động từ 01/01/2017 đến 19/10/2017, Lợi nhuận trước thuế của Công ty là 700.638.431 đồng. Trong khi đó, Công ty phát sinh các khoản chi phí không được khấu trừ lớn, làm tăng khoản thu nhập tính thuế lên 533.133.766 đồng. Ngoài ra, trong giai đoạn này, Công ty hạch toán điều chỉnh thuế TNDN của các kỳ trước 346.063.820 đồng, dẫn đến Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là 592.818.260 đồng, chiếm 84,61% Lợi nhuận trước thuế.

❖ Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Trong số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2018 của Công ty có một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên 3 năm với số tiền 7.654.051.200 đồng; đây là số phải thu của các khách hàng có công trình xây dựng sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước. Việc thu hồi các khoản phải thu này phụ thuộc vào việc các chủ đầu tư được giải ngân nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty chưa phản ánh số tổn thất ước tính liên quan tới số dư các khoản phải thu quá hạn nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Như đã nêu tại thuyết minh số 28 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính về giao dịch và số dư với các bên liên quan: Tại ngày 31/12/2018, Công ty đang phản ánh các khoản công nợ phải thu vãng lai với chủ sở hữu là Tổng công ty 319 – Bộ Quốc phòng trên số dư khoản mục “Phải thu nội bộ ngắn hạn” mặc dù các giao dịch này thể hiện quan hệ giữa các pháp nhân độc lập.

6.2. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Thuận lợi

Tổng công ty 319 là doanh nghiệp nhà nước đã có 40 năm xây dựng, đổi mới và phát triển; luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và Bộ Quốc phòng; tạo việc làm và nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho trên 6.000 cán bộ, công nhân viên, người lao động; cùng với truyền thống đoàn kết, bề dày thành tích, kinh nghiệm, uy tín và thương hiệu. Là một đơn vị thành viên trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con, việc sử dụng thương hiệu của Tổng công ty 319 đã mang lại cho Công ty sự tin tưởng, ủng hộ của lãnh đạo các Bộ, Ngành, địa phương và sự hợp tác có hiệu quả của các đối tác, quý khách hàng trong quá trình phát triển, đặc biệt là giai đoạn hiện nay.

Công ty đã và đang thi công nhiều dự án, công trình hiện đại, có kết cấu và quy mô phức tạp, yêu cầu kỹ, mỹ thuật cao. Hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được sự quan tâm, ủng hộ, tạo điều kiện giúp đỡ của Tổng công ty, các cơ quan chức năng trong và ngoài Quân đội. Đồng thời, Công ty tạo được mối quan hệ tốt với các Chủ đầu tư, khách hàng truyền thống cũng như các Chủ đầu tư, khách hàng tiềm năng. Đây là ưu thế cạnh tranh cho Công ty trong quan hệ, giao dịch, tìm kiếm việc làm.

Có cơ sở vật chất ban đầu tương đối khang trang từ Công ty đến các Ban điều hành thi công, đáp ứng tốt các điều kiện xây lắp, kể cả trong điều kiện khó khăn, địa hình phức tạp, vùng sâu, vùng xa.

Đội ngũ cán bộ, từ chỉ huy đơn vị đến các đơn vị sản xuất đã và đang được tham gia những dự án có quy mô tương đối lớn, là điều kiện thuận lợi để lực lượng cán bộ tại chỗ đúc rút kinh nghiệm trong chỉ huy, quản lý, điều hành thi công.

Chỉ huy Công ty luôn thực hiện nhiệm vụ đúng hướng, đúng pháp luật, có trọng tâm, trọng điểm. Nội bộ đoàn kết thống nhất cao, luôn thể hiện tốt ý chí tập thể, tinh thần cầu thị, kịp thời khắc phục các khó khăn, hạn chế.

❖ **Khó khăn**

Nợ công ở mức cao, gây áp lực đối với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô. Nợ xấu chưa được xử lý triệt để, cản trở mục tiêu giảm lãi suất cho doanh nghiệp.

Một số công trình dự án đã thi công xong nhưng việc quyết toán và thu hồi vốn gặp nhiều khó khăn.

Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thương trường ngày càng gay gắt, đồng thời yêu cầu ngày càng cao trong sản xuất đòi hỏi phải liên tục đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị thi công, cần có sự chủ động về nguồn vốn.

❖ **Vị thế của doanh nghiệp so với các công ty khác trong ngành**

Công ty cổ phần 319.5 là đơn vị thành viên trực thuộc Tổng công ty 319, có được sự đảm bảo uy tín từ Tổng công ty, Bộ Quốc phòng và từ chính thực tiễn những công trình, dự án đơn vị đã tổ chức thi công. Đơn vị có mối quan hệ tốt với chính quyền các địa phương nơi đơn vị thực hiện nhiệm vụ; được Tổng công ty và Bộ Quốc phòng tin tưởng giao thực hiện thi công một số dự án, công trình có giá trị lớn.

Trong Tổng công ty 319, Công ty là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực thi công các công trình phần ngầm, công trình cao tầng có kết cấu phức tạp. Công ty có nguồn nhân lực dồi dào, có kinh nghiệm, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ. Hàng năm, Công ty thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, rà soát năng lực cán bộ để sắp xếp công việc hợp lý, đồng thời tuyển dụng, thu hút thêm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.

So với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành, Công ty cổ phần 319.5 có ưu thế về kinh nghiệm trong thi công xây dựng các dự án nhà cao tầng, phần ngầm với quy mô lớn, kết cấu phức tạp (như dự án Bệnh viện Trung ương quân đội 108, Bệnh viện Quân y 110, Bệnh viện Quân y 103/Học viện Quân y, công trình Trụ sở Tổng công ty 319...).

Tuy nhiên, Công ty còn thiếu kinh nghiệm và còn yếu về thi công các công trình cầu đường, các công trình ven biển... Vì vậy, Công ty cần được đầu tư thêm về nhân lực, máy móc thiết bị thi công nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường, đặc biệt là các công trình, dự án có nguồn vốn ngoài Quốc phòng để duy trì và đảm bảo việc làm, đời sống cho cán bộ công nhân viên Công ty cũng như mở rộng quy mô, khẳng định vị thế của Công ty trên thương trường.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

Ngành xây dựng đã bước qua giai đoạn tăng trưởng sau Đổi mới (1986) và bước vào giai đoạn tái cấu trúc. Do đó, đà tăng trưởng của nhóm ngành xây dựng trong năm 2019 sẽ

tiếp tục giảm tốc. Theo dự báo của BMI, ngành xây dựng sẽ tăng trưởng 7,23% trong năm 2019.

Bên cạnh đó, các yếu tố biến động ảnh hưởng tới nhóm ngành xây dựng như sau:

Về chi phí nguyên liệu: biến động giá thép xây dựng và xi măng được dự báo có ảnh hưởng tích cực. Dự kiến giá thép sẽ giảm do nguồn cung trong nước tăng khoảng 20%, đến từ các dự án lớn hoàn thành. Cùng với đó, giá xi măng sẽ tiếp tục giảm nếu Chính phủ thắt chặt xuất khẩu xi măng.

Về chi phí nhân công: chi phí nhân công trong ngành xây dựng chịu ảnh hưởng từ mức lương tối thiểu vùng do phần lớn lực lượng lao động trong ngành xây dựng có trình độ thấp, chưa qua đào tạo chuyên nghiệp. Trung bình từ 2010 – 2019, lương tối thiểu vùng tăng 17%/năm với mức tăng cao nhất trong năm 2012 do lạm phát cao tại thời điểm đó (lần lượt 18,7% và 9,1% trong năm 2011, 2012). Tuy nhiên, tốc độ tăng lương tối thiểu vùng chậm lại từ năm 2012 với mức tăng dự kiến năm 2019 thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Mức tăng lương tối thiểu được công bố sớm làm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến doanh nghiệp xây dựng.

7. Chính sách đối với người lao động

7.1 Số lượng lao động trong Công ty

Tại thời điểm 30/6/2019, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của công ty là **103** lao động.

Bảng 6. Cơ cấu lao động

STT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo trình độ đại học		
1	Trên Đại học	05	4,9
2	Có trình độ Đại học	74	71,8
3	Có trình độ Trung cấp, Cao đẳng	10	9,7
4	Có trình độ kỹ thuật nghiệp vụ và lao động phổ thông	14	13,6
II	Phân theo thời hạn hợp đồng		
1	Số lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	28	27,2
2	Số lao động ký HĐLĐ không xác định thời hạn	59	57,3
3	Số lao động ký HĐLĐ xác định thời hạn từ 1-3 năm	16	15,5
4	Số lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 1 năm, thử việc	0	0

STT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
III	Phân theo giới tính		
1	Nam	81	78,6
2	Nữ	22	21,4

(Nguồn: Công ty cổ phần 319.5)

7.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

❖ Về chính sách lao động:

- Tiếp tục thực hiện việc đánh giá, bố trí sắp xếp nhân lực theo yêu cầu chất lượng, hiệu quả và bảo đảm việc làm lâu dài cho người lao động.

- Tập trung nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chuyên môn cho cán bộ nghiệp vụ. Xây dựng chính sách cử đi đào tạo, bồi dưỡng các khóa ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước, tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm thực tế.

- Xây dựng chính sách để thu hút nhân lực có trình độ cao, uy tín, có kinh nghiệm, đồng thời có chế độ đãi ngộ đối với việc tuyển dụng lao động mới, lao động trẻ có năng lực, trình độ, có kinh nghiệm về quản lý và chuyên môn giỏi vào những vị trí và lĩnh vực then chốt của Công ty.

❖ Về chính sách tiền lương:

- Xây dựng quy chế trả lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo, hăng say làm việc với chất lượng và hiệu quả cao.

- Thu nhập bình quân của CBCNV năm 2017 là 7,3 triệu đồng/ người/ tháng, trong năm 2018 là 10,5 triệu đồng/ người/ tháng.

- Ngoài điều kiện lao động, chế độ tiền lương, thưởng,... công ty sẽ tiếp tục truyền thống là chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để nâng cao đời sống tinh thần; tham gia chương trình phúc lợi xã hội khác.

8. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Công ty quy định: cổ tức trả cho số vốn thực góp sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty sau khi được thông qua Đại hội đồng cổ đông.

Như vậy, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện

nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý

Mức chi trả cổ tức của Công ty như sau:

Năm	Cổ tức được hưởng	Ghi chú
2017	2,53%	Đây là cổ tức cho giai đoạn từ ngày 20/10/2017 đến 31/12/2017. Công ty đã tiến hành chi trả.
2018	6,5%	Mức chi cổ tức đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/04/2019. Công ty đã tiến hành chi trả.

9. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Riêng năm 2017, do Công ty thực hiện cổ phần hóa nên kỳ hoạt động từ ngày 20/10/2017 đến 31/12/2017 là niên độ kế toán đầu tiên sau khi chuyển thành công ty cổ phần.

9.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	04 - 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 07

Tài sản cố định vô hình (phần mềm kế toán) được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty đã nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách thuế liên quan đến người lao động.

Số dư Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

Bảng 7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	20/10/2017	31/12/2017	31/12/2018
Thuế giá trị gia tăng	60.000	-	3.624.836.274
Thuế TNDN hiện hành	283.628.081	308.774.451	77.972.676
Thuế TNCN	(709.803)	(709.803)	(709.803)
Các loại thuế, phí khác	107.033.635	-	-
TỔNG CỘNG	390.011.913	308.064.648	3.702.099.147

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 20/10/2017 đến 31/12/2017 và BCTC năm 2018 đã kiểm toán của Công ty cổ phần 319.5)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Điều lệ, Công ty sẽ sử dụng một phần lợi nhuận để trích lập các quỹ theo luật định. Số dư các quỹ của Công ty như sau:

Bảng 8. Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	20/10/2017	31/12/2017	31/12/2018
Quỹ khen thưởng phúc lợi	999.175.812	737.175.812	363.560.601
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	200.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 20/10/2017 đến 31/12/2017 và BCTC năm 2018 đã kiểm toán của Công ty cổ phần 319.5)

❖ **Tình hình công nợ**

Bảng 9. Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	20/10/2017	31/12/2017	31/12/2018
I.	Nợ ngắn hạn	532.425.548.433	373.827.265.355	375.216.667.799
1	Phải trả cho người bán	225.828.433.088	228.821.037.895	186.997.213.438
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	274.995.268.742	131.817.610.793	169.301.040.292

TT	Chỉ tiêu	20/10/2017	31/12/2017	31/12/2018
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	390.721.716	308.774.451	3.702.808.950
4	Phải trả người lao động	2.494.591.035	3.469.776.302	-
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	377.999.999	843.542.295	629.999.999
6	Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.280.749.840	1.181.249.840	942.731.845
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	13.000.000.000
8	Phải trả ngắn hạn khác	22.058.608.201	3.648.097.967	279.312.674
9	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	999.175.812	737.175.812	363.560.601
II.	Nợ dài hạn	-	-	-
	Tổng nợ phải trả	532.425.548.433	373.827.265.355	375.216.667.799

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 20/10/2017 đến 31/12/2017 và BCTC năm 2018 kiểm toán của Công ty cổ phần 319.5)

❖ Các khoản phải thu

Bảng 10. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	20/10/2017	31/12/2017	31/12/2018
I.	Phải thu ngắn hạn	129.190.458.942	140.213.975.595	293.748.752.173
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	93.977.208.521	87.188.012.644	165.151.303.782
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.342.525.848	9.926.988.611	162.578.250
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn (*)	21.118.397.469	41.734.372.323	123.751.497.985
4	Các khoản phải thu khác	2.752.327.104	1.364.602.017	4.683.372.156
II.	Phải thu dài hạn	1.218.645.202	1.218.645.202	155.537.245
1	Phải thu dài hạn khác	1.218.645.202	1.218.645.202	155.537.245

STT	Khoản mục	20/10/2017	31/12/2017	31/12/2018
	Tổng cộng phải thu	130.409.104.144	141.432.620.797	293.904.289.418

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 20/10/2017 đến 31/12/2017 và BCTC năm 2018 đã kiểm toán của Công ty 319.5)

(*) Khoản phải thu nội bộ ngắn hạn năm 2018 là 123,7 tỷ đồng, cao gần gấp 3 lần so với năm 2017. Khoản phải thu này chủ yếu đến từ Tổng công ty 319 (tiền thu hồi vốn về qua Tổng công ty 319 từ các công trình do Tổng công ty ký Hợp đồng và giao cho Công ty 319.5 thi công).

❖ **Nợ xấu và Dự phòng nợ phải trả thu khó đòi**

Bảng 11. Nợ xấu và Dự phòng nợ

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	20/10/2017			31/12/2017			31/12/2018		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Chủ đầu tư Công trình đường Thái Hòa									
	/	-	-	Từ 2-3 năm	1.300	-	> 3 năm	1.300	-
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình Công trình cải tạo nâng cấp đê Hữu sông Đáy									
	> 3 năm	2.902	-	> 3 năm	2.902	-	> 3 năm	2.902	-
Chi cục đê điều và phòng chống lụt bão tỉnh Bắc Giang Hạng mục rà phá bom mìn thuộc dự án Tu bổ, chống sạt lở đê điều hệ thống đê cấp III trên địa bàn huyện Tân Yên									
	> 3 năm	1.364	-	> 3 năm	1.364	-	> 3 năm	1.364	-
UBND huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang Hạng mục rà phá bom mìn thuộc Dự án Đường ô tô đến trung tâm các xã Cẩm Đàn, Chiên Sơn, Quế Sơn, Vân Sơn, Hữu Sản									
	> 3 năm	347	-	> 3 năm	347	-	> 3 năm	347	-
Các đối tượng khác									
	> 3 năm	1.195	-	> 3 năm	929	-	> 3 năm	1.742	-
TỔNG CỘNG									
		5.807	-		6.842	-		7.654	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 20/10/2017 đến 31/12/2017 và BCTC năm 2018 đã kiểm toán của Công ty 319.5)

Các khoản phải thu quá hạn nêu trên chủ yếu là của các công trình sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước, việc thu hồi các khoản phải thu này phụ thuộc vào việc giải ngân nguồn vốn nhà nước. Công ty vẫn đang tích cực áp dụng các biện pháp để đôn đốc thu hồi công nợ với các chủ đầu tư các công trình này. Do đánh giá có thể thu hồi được toàn bộ các khoản nợ phải thu quá hạn này nên Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

❖ **Đầu tư tài chính**

Bảng 12. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	20/10/2017	31/12/2017	31/12/2018
I. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	500.000.000
II. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
TỔNG CỘNG	-	-	500.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 20/10/2017 đến 31/12/2017 và BCTC năm 2018 đã kiểm toán của Công ty cổ phần 319.5)

9.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 13. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/01/2017 đến 19/10/2017	Từ 20/10/2017 đến 31/12/2017	Năm 2018
1. Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,03	1,09	1,11
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,36	0,56	0,88
2. Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,95	0,89	0,89
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	19,92	8,23	7,93
3. Năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	lần	1,37	1,08	3,19
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,74	0,62	1,11
4. Khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,03	0,46	0,66

Các chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/01/2017 đến 19/10/2017	Từ 20/10/2017 đến 31/12/2017	Năm 2018
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,43	3,91	6,71
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,02	0,29	0,74
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,13	0,59	0,45
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	/	320	707

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 20/10/2017 đến 31/12/2017, BCTC năm 2018 đã kiểm toán của Công ty 319.5)

10. Tình hình tài sản

Bảng 14. Danh mục tài sản cố định tại thời điểm ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
1	Tài sản cố định hữu hình	18.464.481.692	6.453.584.122	34,95
	- Máy móc, thiết bị	14.932.023.054	5.355.061.080	35,86
	- Phương tiện vận tải	2.897.272.728	994.809.888	34,34
	- Thiết bị văn phòng	635.185.910	103.713.154	16,33
2	Tài sản cố định vô hình	111.100.000	11.123.142	10,01
	Tổng cộng	18.575.581.692	6.464.707.264	34,80

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty 319.5)

11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

11.1 Kế hoạch kinh doanh năm 2019-2020

Bảng 15. Kế hoạch phát triển kinh doanh 2019 – 2020

TT	Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020	
				Kế hoạch	% tăng giảm so với 2018	Kế hoạch (*)	% tăng giảm so với 2019
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	44.000	44.000	-	44.000	-
2	Tổng doanh thu (*)	Triệu đồng	471.398	303.992	(35,5)	300.000	(1,31)
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.109	3.051	(1,9)	3.120	2,26
4	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	0,65	1,0		1,04	
5	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	7,06	6,93		7,09	
6	Cổ tức	%	6,5	6,0		6,0	-

(Nguồn: Công ty cổ phần 319.5)

(*) Bao gồm: Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu tài chính, Thu nhập khác.

Công ty chỉ xây dựng kế hoạch kinh doanh cho từng năm vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm. Do đó, số liệu Kế hoạch năm 2020 là số liệu do Công ty dự kiến tại thời điểm xây dựng Bản công bố thông tin, các chỉ tiêu cụ thể sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Kế hoạch năm 2019 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 căn cứ theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019. Công ty 319.5 dự kiến kế hoạch doanh thu thuần năm 2019 giảm 35,5% so với năm 2018 do một số công trình Công ty dự kiến ký mới chưa được triển khai thực hiện, đồng thời điều kiện làm việc còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, Công ty 319.5 dự kiến giảm một số khoản chi phí chung và chi phí quản lý, theo đó Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2019 chỉ giảm 1,9% so với năm 2018.

11.2 Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Để thực hiện kế hoạch đặt ra, Công ty đã đưa ra một số giải pháp đồng bộ như sau:

Duy trì và phát huy tốt mối quan hệ với các đối tác, chủ đầu tư hiện có, tiếp tục mở rộng quan hệ các thị trường mới để tìm kiếm và khai thác công trình.

Tập trung hoàn thiện chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của Công ty để tham gia đấu thầu các công trình với tư cách pháp nhân của Công ty.

Tiếp tục triển khai các dự án mới và tập trung làm tốt các hồ sơ dự thầu, hồ sơ tự thực hiện đảm bảo tỷ lệ thắng thầu cao.

Kiểm soát chặt chẽ các khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; Đảm bảo khối lượng phát sinh có ý kiến của Lãnh đạo chỉ huy trước khi triển khai thi công, đồng thời lập kế hoạch thi công và nhu cầu vốn chi tiết để thực hiện.

Xây dựng và áp dụng quy chế giao khoán nội bộ và quy trình đánh giá, lựa chọn thầu phụ, đội thi công trước khi giao nhiệm vụ;

Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần; Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hóa, với phương châm tinh gọn, hiệu quả, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu và chiến lược hoạt động trong tương lai của Công ty.

Quy hoạch, điều động nguồn nhân lực trong nội bộ, đồng thời thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.

Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp, tạo môi trường và điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động; Kiên quyết sắp xếp và cân đối lại nhân lực các phòng ban, chấm dứt hợp đồng một số vị trí làm việc không hiệu quả.

Nâng cao vai trò và trách nhiệm cán bộ quản lý tài chính của đơn vị; Kiên quyết thu hồi nợ khó đòi, hạch toán kế toán phải kịp thời đầy đủ; Cùng cố bộ máy hạch toán thống kê, thống kê phải thường xuyên đầy đủ kịp thời cho chỉ huy đơn vị để chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác giám sát kỹ thuật chất lượng và an toàn tại hiện trường; kiểm soát chặt chẽ vật tư đưa vào công trình, tránh thất thoát và kém chất lượng.

Tích cực tìm kiếm việc làm, tiếp cận các công trình, dự án là thế mạnh của đơn vị như xây dựng công trình ngầm và nhà cao tầng nhằm bảo đảm việc làm, tăng doanh thu cho đơn vị và thu nhập cho người lao động.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh theo hướng đa ngành, đa nghề, trong đó xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp là sản phẩm chủ yếu phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển tổng thể của Công ty.

Đảng ủy Công ty cần nắm vững và vận dụng tốt chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng trong doanh nghiệp, trên cơ sở đó xây dựng quy chế hoạt động, phối hợp với chỉ huy Công ty, nhằm kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về hoạt động chính trị và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tạo sự đồng thuận, thống nhất trong chỉ đạo cũng như thực hiện các nhiệm vụ, giữ gìn khối đoàn kết, thống nhất cao trong tập thể. Xây dựng chiến lược và chính sách cạnh tranh

linh hoạt để thích ứng nhanh với sự thay đổi của đối thủ cạnh tranh và đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng.

Tình hình dự kiến thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau (ước thực hiện):

Tổng doanh thu: 308.851 triệu đồng (cao gấp 1,02 lần kế hoạch năm 2019);

Lợi nhuận sau thuế: 1.483 triệu đồng (đạt 48,6% kế hoạch năm 2019).

12. Thông tin về các cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

13. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh

Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, Công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu chính là lấy ngành xây dựng làm nòng cốt.

Thực hiện đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng quy mô và địa bàn sản xuất kinh doanh, thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh đã được thị trường thử thách trong những năm vừa qua, nhằm mục tiêu chuyển dần vai trò từ nhà thầu sang làm chủ đầu tư với cơ cấu ngành nghề chính là Đầu tư - Xây dựng, trong đó doanh thu từ đầu tư ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu.

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

PHẦN II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 03 thành viên, chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Thành viên không điều hành
2	Đỗ Văn Chinh	Thành viên HĐQT Giám đốc	Thành viên điều hành
3	Ngô Duy Đại	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

1.2 Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT

a. Ông Nguyễn Thanh Quang - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Thanh Quang
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 03/3/1972
 Nơi sinh : Xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Hộ khẩu thường trú : Khu tập thể khí Ôxy, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội.
 Nơi ở hiện nay : Khu tập thể khí Ôxy, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội.
 Chứng minh nhân dân : Số 013318728 do Công an Hà Nội cấp ngày 30/6/2010
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 6/1998 đến 4/2002	Trợ lý kỹ thuật Đội 31 (Công ty XD 319, Quân khu 3)
Từ 5/2002 đến 4/2004	Đội phó Đội 31 (Công ty XD 319, Quân khu 3)
Từ 5/2004 đến 10/2004	Quyền đội trưởng đội 37 (Chi nhánh Công ty 319, Quân khu 3)
Từ 11/2004 đến 12/2008	Đội trưởng đội 37 (Chi nhánh Công ty Xây dựng 319, Quân khu 3)
Từ 01/2009 đến 7/2009	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty XD 319 (Quân Khu 3)
Từ 8/2009 đến 11/2009	Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp & Dạy nghề (Công ty XD 319, Quân khu 3)
Từ 12/2009 đến 3/2012	Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp Dạy nghề (sau chuyển thành Xí nghiệp

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
	319.5) (Tổng công ty 319, Bộ Quốc phòng)
Từ 4/2012 đến 7/2014	Quyền chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty 319.5
Từ 8/2014 đến 10/2017	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty 319.5
Từ 11/2017 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 319.5

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu:
 - + Sở hữu của cá nhân: 69.300 cổ phần, chiếm 1,6% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu đại diện cho Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng: 1.346.400 cổ phần, chiếm 30,6% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng (Mối quan hệ: Đại diện sở hữu vốn), sở hữu 2.244.000 cổ phần tương ứng với 51% tổng số cổ phần đang lưu hành của CTCP 319.5
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị.

b. Ông Đỗ Văn Chinh - Thành viên HĐQT, Giám đốc

- Họ và tên : Đỗ Văn Chinh
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/8/1974
- Nơi sinh : Xã Quyết Thắng, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú : Phố Phú Viên, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP Hà Nội
- Nơi ở hiện nay : Phố Phú Viên, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP Hà Nội
- Căn cước công dân : 030074001607 cấp ngày 12/7/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
-----------	--------------------------

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 02/1993 đến 4/1993	B ₂ (Trung đoàn 568, Quân khu 3)
Từ 5/1993 đến 9/1993	B ₁ (Trung đoàn 653, Quân khu 3)
Từ 10/1993 đến 10/1995	H ₁ , Học viên trường Trung cấp Tài chính Kế toán (Xã Đàn 2, Hà Nội) do Bộ Quốc phòng tổ chức
Từ 11/1995 đến 8/1999	Quản lý Đại đội 11 (Trung đoàn 405, Quân khu 3)
Từ 9/1999 đến 9/2005	Kế toán Đội XD 31, Xí nghiệp XL và DN (Công ty 319, Quân khu 3)
Từ 10/2005 đến 7/2009	Đội trưởng Đội XD 42, Xí nghiệp XL và Dạy nghề (Công ty 319, Quân khu 3)
Từ 8/2009 đến 7/2011	Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính Xí nghiệp Xây lắp và Dạy nghề (Công ty 319, Quân khu 3)
Từ 8/2011 đến 5/2012	Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính Xí nghiệp 319.5 (Tổng công ty 319, Bộ Quốc phòng)
Từ 6/2012 đến 10/2014	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Công ty TNHH MTV 319.5
Từ 11/2014 đến 10/2017	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV 319.5
Từ 11/2017 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu:
 - + Sở hữu của cá nhân: 208.500 cổ phần, chiếm 4,7% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng: 897.600 cổ phần, chiếm 20,4% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng (Mối quan hệ: Đại diện sở hữu vốn), sở hữu 2.244.000 cổ phần tương ứng với 51% tổng số cổ phần đang lưu hành của CTCP 319.5
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị.

c. Ông Ngô Duy Đại - Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Ngô Duy Đại
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/3/1980
- Nơi sinh : Xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú : Tổ 18, P.Sài Đồng, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
- Nơi ở hiện nay : Tổ 18, P.Sài Đồng, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
- Chứng minh nhân dân : 011879339 do CA Hà Nội cấp ngày 10/11/2010
- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 01/2002 đến 12/2004	Trưởng nhóm thiết kế tại văn phòng thiết kế tại Việt Nam của công ty ARB Palisade - Pháp và Thụy Sỹ
Từ 01/2005 đến 12/2007	Phó Giám đốc phụ trách thiết kế của công ty Cổ phần Kiến trúc và Phát triển Dự án AGIA
Từ 3/2008 đến 12/2013	Giám đốc Công ty Cổ phần Kiến trúc và Quản lý dự án Demds
Từ 01/2014 đến 10/2017	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dương Quang
Từ 11/2017 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD: Thành viên Hội đồng quản trị
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu:
 - + Sở hữu của cá nhân: 0 cổ phần.
 - + Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần Dương Quang: 1.540.000 cổ phần, chiếm 35% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty cổ phần Dương Quang (Mối quan hệ: Đại diện sở hữu vốn), sở hữu 1.540.000 cổ phần, tương ứng với 35% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty 319.5.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát

2.1 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Thị Thu Huyền	Trưởng ban
2	Phùng Trung Hải	Thành viên
3	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên

2.2 Tóm tắt Sơ yếu lý lịch

a. Bà Phạm Thị Thu Huyền - Trưởng BKS

- Họ và tên : Phạm Thị Thu Huyền
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 31/01/1979
- Nơi sinh : Phường Kỳ Bá, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú : Số nhà 6, H13, Tập thể Đại học Sư phạm, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
- Nơi ở hiện nay : Số nhà 6, H13, Tập thể Đại học Sư phạm, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
- Chứng minh nhân dân : 53A 113 059 652; ngày cấp 02/9/2012; nơi cấp: Cục Quân lực
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 12/2002 đến 10/2003	Nhân viên Kế toán Xưởng 40 Công ty Xây dựng 319 (Quân khu 3)
Từ 11/2003 đến 7/2010	Nhân viên Kế toán thuộc Ban Tài chính Xí nghiệp Xây lắp và Dạy nghề Công ty 319 (Quân khu 3)
Từ 8/2010 đến 3/2012	Kế toán Tổng hợp thuộc Ban Tài chính Xí nghiệp Xây lắp và Dạy nghề (sau là Xí nghiệp 319.5) (Tổng công ty 319, Bộ Quốc phòng)
Từ 4/2012 đến 7/2014	Kế toán Tổng hợp thuộc Phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH MTV 319.5
Từ 8/2014 đến 10/2017	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV 319.5

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 11/2017 đến nay	Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần 319.5

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD: Trưởng ban Kiểm soát
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu:
 - + Sở hữu của cá nhân: 11.200 cổ phần, chiếm 0,25% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban Kiểm soát.

b. Ông Phùng Trung Hải - Thành viên BKS

- Họ và tên : Phùng Trung Hải
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25/01/1977
- Nơi sinh : Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú : Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội
- Nơi ở hiện nay : Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội
- Chứng minh nhân dân : 111813993 cấp ngày 05/4/2014 tại CA Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 6/2006 đến 6/2010	Cán bộ kỹ thuật Đội 37 (Công ty xây dựng 319, Quân khu 3)
Từ 7/2010 đến 7/2013	Cán bộ kỹ thuật Công ty TNHH MTV 319
Từ 8/2013 đến 10/2017	Phó phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty TNHH MTV 319.5
Từ 11/2017 đến nay	Phó phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty cổ phần 319.5 Thành viên BKS

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD: Thành viên Ban Kiểm soát; Phó phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty cổ phần 319.5.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu:
 - + Sở hữu của cá nhân: 11.000 cổ phần, chiếm 0,25% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban Kiểm soát.

c. Bà Nguyễn Ngọc Anh - Thành viên BKS

- Họ và tên : Nguyễn Ngọc Anh
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 19/7/1978
- Nơi sinh : Xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú : Tổ 87 phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Nơi ở hiện nay : Tổ 87 phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Chứng minh nhân dân : 011913340; ngày cấp 30/01/2010; nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 7/2002 đến 9/2010	Cán bộ phòng Kế hoạch Công ty CP XDCTGT 842 - Tổng công ty XD Công trình Giao thông 8 (CIENCO8)
Từ 10/2010 đến 12/2015	Phó phòng Kế hoạch Công ty CP XDCTGT 842 - Tổng công ty XD Công trình Giao thông 8 (CIENCO8)
Từ 01/2016 đến 10/2017	Cán bộ Kế toán, Công ty cổ phần Dương Quang
Từ 11/2017 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần 319.5

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD: Thành viên Ban kiểm soát
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có
- Số cổ phần sở hữu:
 - + Sở hữu của cá nhân: 0 cổ phần.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban Kiểm soát

3. Giám đốc và các cán bộ quản lý

3.1 Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đỗ Văn Chinh	Giám đốc	Xem phần II, mục 1.2 b
2	Nguyễn Văn Đích	Phó Giám đốc	
3	Nguyễn Văn Minh	Phó Giám đốc	
4	Nguyễn Ngọc Nam	Phó Giám đốc	
5	Cao Xuân Việt	Kế toán trưởng	

3.2 Lý lịch Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

a. Ông Đỗ Văn Chinh - Giám đốc

- Xem phần II, mục 1.2 b.

b. Ông Nguyễn Văn Đích - Phó Giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Văn Đích
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/02/1977
- Nơi sinh : Xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú : Số 11, ngõ 135/26, Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, Hà Nội

- Nơi ở hiện nay : Số 11, ngõ 135/26, Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, Hà Nội
- Chứng minh nhân dân : 012924120 cấp ngày 20/10/2006 tại CA. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 11/1997 đến 11/2000	Nhân viên Văn thư Ban chính trị thuộc Xí nghiệp 9 Công ty XD 319 (Quân khu 3)
Từ 12/2000 đến 02/2005	Trưởng Ban đời sống, Trưởng Ban Chính trị Xí nghiệp 9 Công ty 319 (Quân khu 3)
Từ 3/2005 đến 9/2009	Trưởng Ban Chính trị Xí nghiệp 9 Công ty XD 319 (Quân khu 3)
Từ 10/2009 đến 5/2012	Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Trung (Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng)
Từ 6/2012 đến 10/2017	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV 319.5
Từ 11/2017 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần 319.5

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD: Phó Giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu:
 - + Sở hữu của cá nhân: 51.900 cổ phần, chiếm 1,2% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

c. Ông Nguyễn Văn Minh - Phó Giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Văn Minh
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/10/1963
- Nơi sinh : xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Quốc tịch : Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú : Số 26, phố Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
- Nơi ở hiện nay : Số 26, phố Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
- Chứng minh nhân dân : 12024116 cấp ngày 15/7/2016 tại Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 03/1983 đến 10/1983	B ₂ , Binh nhì e273/ f433/ Quân khu 3
Từ 11/1983 đến 4/1984	B ₁ , Quản lý bếp ăn e29/ f319/ Quân khu 3
Từ 5/1984 đến 12/1984	H ₁ , Quản lý bếp ăn e29/ f319/ Quân khu 3
Từ 01/1985 đến 4/1986	H ₂ , Quản lý bếp ăn e29/ f319/ Quân khu 3
Từ 5/1986 đến 7/1986	H ₃ , Quản lý bếp ăn e29/ f319/ Quân khu 3
Từ 8/1986 đến 4/1988	Trợ lý quân nhu e29/ f319/ Quân khu 3
Từ 5/1988 đến 8/1991	Nhân viên vật tư e11/ f319/ Quân khu 3
Từ 9/1991 đến 3/1992	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán Công ty xây dựng 319 (Quân khu 3)
Từ 4/1992 đến 12/1996	Kế toán tổng hợp Xí nghiệp 29 Công ty XD 319 (Quân khu 3)
Từ 01/1997 đến 8/2009	Trưởng ban Tài chính Xí nghiệp 9 Công ty XD 319 (Quân khu 3)
Từ 9/2009 đến 3/2015	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng
Từ 4/2015 đến 10/2017	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV 319.5
Từ 11/2017 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần 319.5

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD: Phó Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu:

- + Sở hữu của cá nhân: 23.300 cổ phần, chiếm 0,5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

d. Ông Nguyễn Ngọc Nam - Phó Giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Ngọc Nam
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/9/1975
- Nơi sinh : xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú : Số 11, ngõ 51, đường Hoàng Cầu, tổ 87, P. Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Nơi ở hiện nay : Số 11, ngõ 51, đường Hoàng Cầu, tổ 87, P. Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Chứng minh nhân dân : 011853976 cấp ngày 29/5/2007 tại CA Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư XD cầu đường
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 9/1999 đến 01/2005	Kỹ sư tư vấn, Công ty Tư vấn Xây dựng Công trình Giao thông 8 - CIENCO8
Từ 02/2005 đến 12/2005	Trưởng phòng Kế hoạch, Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng công trình TCI
Từ 01/2006 đến 12/2007	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng công trình TCI
Từ 01/2008 đến 02/2009	Giám đốc chi nhánh, Công ty CP đầu tư và Xây dựng giao thông - Trung tâm tư vấn thiết kế TRANCONSIN
Từ 3/2009 đến 10/2013	Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Tư vấn CNXD 868 - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8
Từ 11/2013 đến 4/2016	Cán bộ kỹ thuật, Công ty TNHH MTV 319.5

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 5/2016 đến 10/2017	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV 319.5
Từ 11/2017 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần 319.5

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD: Phó Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu:
 - + Sở hữu của cá nhân: 16.200 cổ phần, chiếm 0,37% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

e. Ông Cao Xuân Việt - Kế toán trưởng

- Họ và tên : Cao Xuân Việt
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/11/1985
- Nơi sinh : xã Phúc Khánh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú : SN 16, tổ 15, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- Nơi ở hiện nay : SN 16, tổ 15, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- Chứng minh nhân dân : 53A153063136 cấp ngày 01/6/2016 tại Cục Quân lục
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 9/2008 đến 8/2009	Nhân viên Kế toán Đội 37 Chi nhánh Công ty Xây dựng 319 (Quân khu 3)
Từ 9/2009 đến 5/2012	Nhân viên Kế toán Đội 37 Xí nghiệp Xây lắp và Dạy nghề (sau chuyển thành Xí nghiệp 319.5) (Tổng công ty 319, Bộ Quốc phòng)

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 5/2012 đến 7/2014	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH MTV 319.5
Từ 8/2014 đến 10/2014	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH MTV 319.5
Từ 11/2014 đến 4/2016	Q. Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV 319.5
Từ 5/2016 đến 10/2017	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV 319.5
Từ 11/2017 đến nay	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần 319.5

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu:
 - + Sở hữu của cá nhân: 14.900 cổ phần, chiếm 0,3% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty,
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Để tăng cường hoạt động quản trị Công ty, HĐQT đã tuân thủ các quy chế về quản trị Công ty, Luật Doanh nghiệp, triển khai các biện pháp tăng cường quản trị Công ty, cụ thể:

- Hoàn thiện cơ cấu quản trị Công ty bao gồm việc phân tách chức năng của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị đảm bảo tính độc lập, giải trình theo thông lệ tốt nhất và theo quy định của pháp luật.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc bao gồm việc xây dựng cơ chế làm việc hiệu quả giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ quản trị doanh nghiệp; thực hiện công bố và minh bạch thông tin.

- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý, các phòng ban chức năng tinh gọn hơn. Tiếp tục tuyển dụng mới, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động; lập quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

- Giảm tỷ lệ lao động gián tiếp trong tổng số lao động hiện có xuống tỷ lệ phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh như: (1) Rà soát lại lực lượng lao động gián tiếp để điều chuyển đến làm việc tại các đơn vị sản xuất trực tiếp. (2) Tận dụng lực lượng lao động gián tiếp hiện có cử đi đào tạo, đào tạo lại những chuyên ngành mới mà Công ty có nhu cầu và cử lực lượng này trực tiếp thực hiện công việc dịch vụ kỹ thuật như vận hành, chạy thử, bảo trì, bảo dưỡng máy móc.

Thời gian tới Công ty sẽ chú ý tăng cường hoạt động quản trị phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính. Công ty cam kết đối với các thành viên HĐQT, BKS chưa tuân thủ quy định hiện hành về quản trị công ty về điều kiện và tiêu chuẩn, Công ty sẽ yêu cầu đào tạo để đáp ứng các quy định liên quan. Trong vòng 01 năm kể từ ngày công ty chính thức đưa cổ phiếu vào giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM, nếu các thành viên HĐQT, BKS vẫn không đáp ứng được quy định hiện hành, Công ty sẽ bầu thay thế/ bầu mới tại ĐHĐCĐ gần nhất. ✕

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2019

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



LÊ THANH TÙNG

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN 319.5
GIÁM ĐỐC**



ĐỖ VĂN CHINH

PHẦN III. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 20/10/2017 đến 31/12/2017; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018.

